

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **300** /BC-UBND

Quảng Trị, ngày **20** tháng **11** năm 2024

BÁO CÁO

Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước về lập kế hoạch tài chính 05 năm và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027;

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ dự toán thu, chi NSNN năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2024; dự toán thu, chi NSNN năm 2025; dự kiến tình hình thu, chi NSNN, mức tăng thu ngân sách giai đoạn 2025 - 2027; dự kiến vay, trả nợ chính quyền địa phương 03 năm 2025 - 2027; Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NSDP NĂM 2024, GIAI ĐOẠN 2021 - 2024

1. Ước thực hiện thu, chi NSNN năm 2024

1.1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện đến 31/12/2024: 4.360 tỷ đồng/DT 3.901 tỷ đồng, đạt 111,8% dự toán địa phương và 111,9% dự toán Trung ương, bằng 113,5% cùng kỳ năm 2023; Trong đó:

- Thu nội địa: 3.287 tỷ đồng/DT 2.951 tỷ đồng, đạt 111,4% dự toán địa phương và đạt 111,6% dự toán Trung ương, bằng 117,9% cùng kỳ năm 2023; Trong đó:

- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 960 tỷ đồng/DT 950 tỷ đồng; đạt 101,1% dự toán địa phương, đạt 101,1% dự toán Trung ương và bằng 93,1% so với cùng kỳ 2023.

- Các khoản thu ủng hộ, đóng góp: 113 tỷ đồng.

1.2. Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện: 13.912,602 tỷ đồng/DT 9.376,646 tỷ đồng đạt 148% dự toán địa phương, đạt 151% dự toán Trung ương, bằng 97% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó:

a) Chi cân đối ngân sách: 8.238,644 tỷ đồng/DT 7.601,606 tỷ đồng đạt 108% dự toán địa phương, đạt 112% dự toán Trung ương, bằng 107% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đầu tư phát triển: 1.769,485 tỷ đồng/DT 1.389,512 tỷ đồng, đạt 127% dự toán địa phương, đạt 136% dự toán Trung ương và bằng 105% cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 6.458,336 tỷ đồng /DT 6.028,147 tỷ đồng, đạt 107% so với dự toán địa phương và 109% dự toán Trung ương, bằng 108% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ ngân sách Trung ương hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương: 2.086,649 tỷ đồng/DT 1.570,368 tỷ đồng đạt 133% dự toán địa phương và 111% dự toán Trung ương, bằng 89% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Đánh giá nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2024

Thu NSNN trên địa bàn năm 2024 đạt được nhiều kết quả tích cực, tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách được điều hành, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, bám sát dự toán HĐND tỉnh đã giao, theo tiến độ thu ngân sách; bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương; đảm bảo cơ bản kinh phí hoạt động thường xuyên bộ máy, đáp ứng yêu cầu kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất và bố trí, bổ sung kinh phí cho một số dự án, nhiệm vụ phát sinh trong năm; đảm bảo chi trả kịp thời các chế độ chính sách về an sinh xã hội; điều hành dự phòng ngân sách theo quy định. Tuy nhiên, với quy mô thu NSDP các năm tiếp theo giảm so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, ảnh hưởng lớn cân đối ngân sách hàng năm, việc đảm bảo nguồn bố trí các nhiệm vụ chi trong dự toán đầu năm; nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ ở một số lĩnh vực lớn chưa đáp ứng được; tỷ lệ giải ngân nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia còn thấp, đặc biệt là giải ngân nguồn vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia; thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý đánh giá không đạt kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP giai đoạn 2021 - 2024

2.1. Tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2024 ước thực hiện (tính đến 31/12/2024): 18.463 tỷ đồng, đạt trên 82% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII; đạt 81% kế hoạch tài chính tài chính 5 năm tỉnh Quảng Trị. Tăng thu nội địa bình quân hàng năm không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII đề ra; nguyên nhân là do một số yếu tố đột biến như: nguồn thu thuế vãng lai ngoại tỉnh từ các dự án điện gió, tiền thuê đất nộp lần cho cả thời gian thuê, thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, thuế thu nhập cá nhân và thuế trước bạ do hoạt động chuyển nhượng bất động sản... nên kết quả thu ngân sách năm 2021 tăng cao; các năm tiếp theo, với tác động ảnh hưởng của dịch bệnh, biến độ chính trị, kinh tế thế giới và khu vực, việc thực hiện các chính sách miễn, giảm

thuế hỗ trợ chương trình phục hồi kinh tế - xã hội theo các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ làm giảm thu ngân sách; bên cạnh đó, quy mô thu ngân sách trên địa bàn vẫn còn hạn hẹp, năm 2023 ngân sách địa phương hụt thu.

2.2. Tổng chi NSDP giai đoạn 2021 - 2024 ước đạt 53.553,261 tỷ đồng; Trong đó:

Chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn này đạt 30.220,726 tỷ đồng, tăng bình quân 5%/năm; trong đó:

- Chi đầu tư 6.603,664 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 22%, tăng bình quân 12%/năm;

- Chi thường xuyên, trả nợ lãi, phí các khoản vay, bổ sung quỹ dự trữ tài chính 23.617,062 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 78% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

Chi đầu tư phát triển tăng chủ yếu do tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất và ngân sách địa phương đã từng bước cơ cấu, cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí tăng chi đầu tư cho các nhiệm vụ như: thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội;... Chi thường xuyên tăng chủ yếu do hàng năm trung ương bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội. Hàng năm, ngân sách địa phương phải huy động các nguồn lực đảm bảo chi khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chi thực hiện các chính sách chế độ do trung ương, địa phương ban hành.

2.3. Đánh giá nhiệm vụ thu, chi ngân sách trong giai đoạn 2021-2024

Các cấp, các ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh. Giai đoạn 2021 - 2024, nhiệm vụ thu ngân sách của tỉnh đã đạt được một số kết quả tích cực, tuy nhiên quy mô thu ngân sách còn hạn chế, tốc độ tăng thu ngân sách không đều, trong đó chịu tác động ảnh hưởng của dịch COVID-19, các yếu tố biến động chính trị, kinh tế khu vực, thế giới và năng lực nội tại kinh tế của tỉnh.

Nhiệm vụ chi ngân sách được điều hành, quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, bám sát dự toán HĐND tỉnh đã giao, theo tiến độ thu ngân sách; bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương; đảm bảo cơ bản kinh phí hoạt động thường xuyên bộ máy, đáp ứng yêu cầu kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất và bố trí, bổ sung kinh phí cho một số dự án, nhiệm vụ phát sinh trong năm; đảm bảo chi trả kịp thời các chế độ chính sách về an sinh xã hội; hàng năm đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn cho chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, chi ngân sách vẫn gặp một số khó khăn: khó khăn về cân đối ngân sách¹, giải ngân nguồn vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia.

¹ Với dân số thấp, dự toán năm 2022 tỉnh Quảng Trị tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao; thu ngân sách hạn chế dẫn đến mặt bằng chi NSDP các năm không tăng (chủ yếu tăng lương, chế độ an sinh xã hội). Mặc dù được Trung ương hỗ trợ đảm bảo mặt bằng chi so với năm 2021 tuy nhiên không có mức tăng hợp lý đã làm cho cân đối ngân sách địa phương hết sức khó khăn. Thực tế từ năm 2022 đến nay, trên cơ sở dự toán Trung ương giao cho địa phương theo định mức năm 2022, dự toán địa phương được HĐND tỉnh giao các năm đều không đảm bảo được cân đối ngân sách địa phương, cân đối dự toán giao đầu năm thiếu hụt bình quân trên 100 tỷ đồng/năm (năm 2022 là 130 tỷ đồng);

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2025 - 2027

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027 được lập trên cơ sở tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công, thuế, phí, lệ phí.

- Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh, phát huy sự chủ động của các cấp, các ngành, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng. Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường quản lý thu, phấn đấu tăng thu NSNN, dành nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

- Quản lý, điều hành chi ngân sách theo hướng chủ động, chặt chẽ, đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Kế hoạch thu NSNN trên địa bàn 03 năm 2025 - 2027

Tổng thu NSNN trên địa bàn 03 năm 2025 - 2027: 16.265,255 tỷ đồng (năm 2025: 4.965,255 tỷ đồng; năm 2026: 5.400 tỷ đồng; năm 2027: 5.900 tỷ đồng); trong đó:

- Thu nội địa: 12.751 tỷ đồng (năm 2025: 3.851 tỷ đồng; năm 2026: 4.240 tỷ đồng; năm 2027: 4.660 tỷ đồng).

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 3.450 tỷ đồng (năm 2025: 1.100 tỷ đồng; năm 2026: 1.150 tỷ đồng; năm 2027: 1.200 tỷ đồng).

3. Kế hoạch chi NSDP 03 năm 2025 - 2027

Tổng chi NSDP 03 năm 2025 - 2027: 40.007,152 tỷ đồng (năm 2025 là 13.168,538 tỷ đồng; năm 2026: 13.181,005 tỷ đồng; năm 2027: 13.657,608 tỷ đồng); trong đó:

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 29.759,437 tỷ đồng

- Tổng chi chương trình mục tiêu và các nhiệm vụ khác từ nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu: 8.995,584 tỷ đồng.

- Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện thực hiện các Nghị quyết HĐND tỉnh và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã thực hiện một số chính sách, nhiệm vụ: 1.213,876 tỷ đồng.

4. Kế hoạch vay, trả nợ 03 năm 2025 - 2027

- Dự nợ đầu kỳ (đầu năm 2025) dự kiến: 225,704 tỷ đồng.

- Trả nợ gốc 03 năm 2025 - 2027 dự kiến: 84,281 tỷ đồng.

- Tổng mức vay của NSDP 03 năm 2025 - 2027 dự kiến: 543,678 tỷ đồng.

- Dự nợ cuối kỳ (cuối năm 2027) dự kiến: 685,100 tỷ đồng.

- Tỷ lệ dư nợ cuối kỳ/mức dư nợ tối đa (%): 79%
- Bội chi NSĐP cả giai đoạn: 459,397 tỷ đồng

5. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Về thu ngân sách

- Tăng cường khai thác hiệu quả, nuôi dưỡng các khoản thu nội địa:

+ Rà soát, giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến thuế, các loại phí, các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Triển khai hiệu quả hệ thống quản lý thuế điện tử, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu thuế và khai thuế, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời hạn chế thất thu thuế

+ Trong điều kiện doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, sức cạnh tranh thấp; các cấp, các ngành cần triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ phát triển ổn định, bền vững, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Đồng thời, nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách thúc đẩy hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp, mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc, công nghệ và cải thiện sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh từ đó mở rộng cơ sở thuế và tăng nguồn thu từ thuế.

+ Triển khai các giải pháp, biện pháp quản lý và tạo nguồn thu ổn định, bền vững từ đất đai, khai thác hiệu quả nguồn thu từ đất: Thực hiện tốt công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; xác định lại các khu vực đất có tiềm năng phát triển để dành cho các dự án đô thị, tăng sức thu hút các doanh nghiệp và nhà đầu tư; đồng thời kết hợp thực hiện các dự án đầu tư đồng bộ về hạ tầng giao thông, tiện ích xã hội để nâng cao giá trị từ đất, tăng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tạo ra giá trị lâu dài về kinh tế - xã hội, an sinh, cải thiện và nâng cao chất lượng đô thị.

- Tăng cường thu từ hoạt động xuất nhập khẩu thông qua đầu tư, nâng cấp hạ tầng giao thông (đường bộ, cảng biển, ...); khuyến khích đầu tư vào hạ tầng logistics; nâng cao năng lực hoạt động các cửa khẩu, tập trung cải thiện hạ tầng, công tác quản lý và thủ tục thông quan; tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại và thu hút các nhà đầu tư vào các khu vực cửa khẩu, đẩy nhanh việc thúc đẩy phát triển khu kinh tế - thương mại xuyên biên giới.

- Có giải pháp hiệu quả để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh. Tích cực hỗ trợ nhà đầu tư đang trong quá trình nghiên cứu lập đề xuất dự án; hỗ trợ kịp thời các thủ tục đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án, sớm đưa dự án đi vào hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn, tăng thu NSĐP.

b) Chi ngân sách nhà nước:

- Trong điều kiện hạn chế về nguồn lực, cần xác định các lĩnh vực tập trung phát triển, trong đó xác định lĩnh vực trọng điểm để tránh việc phân bổ nguồn lực ngân sách dàn trải, tăng hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi NSNN theo dự toán, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định. Triệt để tiết kiệm để dành nguồn chi cho các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, các khoản chi cấp thiết chưa bố trí dự toán.

c) Đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước:

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sử dụng có hiệu quả nguồn lực NSNN; chỉ chi trong khả năng thu ngân sách và khả năng đảm bảo của ngân sách; chỉ vay khi có hiệu quả và trong khả năng trả nợ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Không ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, chương trình, đề án khi chưa xác định rõ và chưa cân đối được nguồn kinh phí.

Trên đây là báo cáo Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025 - 2027, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCTM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2025 - 2027
(Kèm theo Báo cáo số 400 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	Dự toán năm 2027	Tổng 3 năm 2025-2027
a	b	1	2	5	6	7	
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	9.323.446	13.873.720	13.011.638	13.068.863	13.467.253	39.547.754
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.765.900	3.066.186	3.588.400	3.947.400	4.341.790	11.877.590
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.427.546	6.627.546	9.111.463	9.111.463	9.111.463	27.334.389
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.045.851	4.045.851	4.126.751	4.126.751	4.126.751	12.380.253
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.381.695	2.581.695	4.984.712	4.984.712	4.984.712	14.954.136
III	Nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện CCTL 2,34trđ/tháng (70% tăng thu ước TH năm 2024)			65.520			65.520
IV	Thu kết dư		49.059				-
V	Thu chuyển nguồn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách địa phương năm trước chuyển sang để thực hiện và cân đối dự toán	130.000	4.005.003	232.000			232.000
VI	Các khoản thu đóng góp		113.000				-
VII	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ			14.255	10.000	14.000	38.255
VIII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		12.926				-
B	TỔNG CHI NSDP	9.376.646	13.912.602	13.168.538	13.181.005	13.657.608	40.007.152
I	Tổng chi cân đối NSDP	7.601.606	8.238.644	9.746.496	9.775.137	10.237.803	29.759.437
1	Chi đầu tư phát triển	1.389.512	1.769.485	1.877.670	1.869.670	2.061.837	5.809.177
2	Chi thường xuyên	6.028.147	6.458.336	7.638.955	7.648.955	7.897.757	23.185.667
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.500	9.822	15.700	22.838	33.520	72.058
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	3.000
5	Dự phòng ngân sách	152.216		180.210	194.744	203.962	578.916
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	25.231		32.961	37.930	39.728	110.619
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ chính từ nguồn NSTW	1.570.368	2.086.649	2.998.528	2.998.528	2.998.528	8.995.584
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	731.188	593.100	341.696	341.696	341.696	1.025.088
2	Chi thực hiện các chế độ chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ	839.180	1.493.549	2.656.832	2.656.832	2.656.832	7.970.496
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện	204.672	204.672	409.259	397.340	407.277	1.213.876
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		26.390				-
V	Ghi thu ghi chi viện trợ			14.255	10.000	14.000	
VI	Chi chuyển nguồn sang năm sau		3.356.247				-
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	53.200	38.882	156.900	112.142	190.355	459.398
D	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP						-
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP		613.237	717.680	789.480	868.358	2.375.518
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)	206.348	186.635	225.704	382.604	494.745	1.103.052
III	Trả nợ gốc vay của NSDP	27.200	20.279	28.000	28.094	28.187	84.281
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	27.200	20.279	28.000	28.094	28.187	84.281
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh						-
IV	Tổng mức vay của NSDP	80.400	59.347	184.900	140.235	218.542	543.678
1	Vay để bù đắp bội chi	53.200	39.068	156.900	112.142	190.355	459.397
2	Vay để trả nợ gốc	27.200	20.279	28.000	28.094	28.187	84.281
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)	259.548	225.704	382.604	494.745	685.100	1.562.449

ĐU KIẾN THU NSNN THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2025 - 2027
(Kèm theo Báo cáo số 300 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh	Dự toán năm 2026	Dự toán năm 2027
A	B		1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.901.000	4.360.000	4.965.255	232%	5.400.000	5.900.000
I	Thu nội địa	2.951.000	3.287.000	3.851.000	117%	4.240.000	4.660.000
	- Thu NSDP hưởng	2.765.900	3.066.186	3.588.400	117%	3.947.400	4.341.790
	- Thu NSDP hưởng (không gồm tiền sử dụng đất, XSKT)	1.920.900	2.166.186	2.330.400	108%	2.587.400	2.876.790
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý	230.000	155.000	165.000	106%	195.000	221.000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	45.000	53.000	55.000	104%	60.000	65.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.000	40.000	34.000	85%	39.000	41.000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.019.000	1.170.000	1.327.000	113%	1.455.000	1.624.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	155.000	150.000	150.000	100%	190.000	210.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	192.000	230.000	365.000	159%	400.000	440.000
	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	76.800	92.000	146.000		160.000	176.000
	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	115.200	138.000	219.000		240.000	264.000
7	Lệ phí trước bạ	140.000	175.000	160.000	91%	175.000	193.000
8	Thu phí, lệ phí	80.000	125.000	125.000	100%	135.000	150.000
	Phí và lệ phí trung ương	22.000	22.164	27.000		30.000	30.000
	Phí và lệ phí tỉnh	39.890	78.083	73.385		80.000	90.000
	Phí và lệ phí huyện, xã	18.110	24.753	24.615		25.000	30.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	500	750		0%		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	16.000	8.000	50%	9.000	10.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	33.000	50.000	36.000	72%	39.000	43.000
12	Thu tiền sử dụng đất	800.000	850.000	1.200.000	141%	1.300.000	1.400.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	500	1.000	700			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	45.000	50.000	58.000	116%	60.000	65.000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	18.000	45.000	22.300	50%	25.000	25.000
	Trong đó: - Thu từ các mỏ do Trung ương cấp	9.000	9.500	10.300		10.300	10.300
	- Thu từ các mỏ do địa phương cấp	9.000	35.500	12.000		14.700	14.700
16	Thu khác ngân sách	130.000	155.100	132.000	85%	145.000	160.000
	Trong đó: - Thu khác NSTW	80.000	100.000	82.000		95.000	105.000
	- Thu khác NSDP	50.000	55.100	50.000		50.000	55.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	6.000	10.000	7.000	70%	7.000	7.000
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế	6.000	11.150	6.000	54%	6.000	6.000
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	950.000	960.000	1.100.000	115%	1.150.000	1.200.000

**DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2025 - 2027**
(Kèm theo Báo cáo số 300 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán ngân sách năm 2025	Dự kiến ngân sách năm 2026	Dự kiến ngân sách năm 2027
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					
I	Nguồn thu ngân sách	8.191.626	11.277.892	11.868.608	11.805.695	12.077.880
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.634.080	1.710.000	2.445.370	2.684.232	2.952.417
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.427.546	6.627.546	9.111.463	9.111.463	9.111.463
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.045.851	4.045.851	4.126.751	4.126.751	4.126.751
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.381.695	2.581.695	4.984.712	4.984.712	4.984.712
3	Thu kết dư		29.060			
4	Nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang để thực hiện CCTL 2,34trđ/tháng (70% tăng thu ước TH năm 2024)			65.520		
5	Thu chuyển nguồn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách địa phương năm trước chuyển sang để thực hiện và cân đối dự toán	130.000	2.796.360	232.000		
6	Thu viện trợ			14.255	10.000	14.000
7	Các khoản huy động đóng góp		102.000			
8	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		12.926			
II	Chi ngân sách	8.244.826	11.316.774	12.025.508	11.917.837	12.268.236
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	4.727.852	4.889.037	7.301.353	7.210.036	7.564.670
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.516.974	4.263.832	4.709.900	4.697.801	4.703.566
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	2.608.537	2.608.537	4.300.461	4.300.461	4.296.289
-	Chi bổ sung có mục tiêu	908.437	1.655.295	409.259	397.340	407.277
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		2.137.515			
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		26.390			
5	Ghi thu, ghi chi vốn viện trợ			14.255	10.000	14.000
III	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP	53.200	38.882	156.900	112.142	190.355
B	NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	4.648.794	6.859.660	5.852.930	5.960.969	6.092.939
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.131.820	1.356.186	1.143.030	1.263.168	1.389.373
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.516.974	4.263.832	4.709.900	4.697.801	4.703.566
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.608.537	2.608.537	4.300.641	4.300.461	4.296.289
-	Thu bổ sung có mục tiêu	908.437	1.655.295	409.259	397.340	407.277
3	Thu kết dư		19.999			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.208.643			
5	Các khoản huy động đóng góp		11.000			
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên					
II	Chi ngân sách	4.648.794	6.859.660	5.852.930	5.960.969	6.092.939
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện	4.648.794	6.859.660	5.852.930	5.960.969	6.092.939
2	Chi nộp trả ngân sách cấp trên					

ĐỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2025 - 2027
 (Kèm theo Báo cáo số 300 /BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Dự toán ngân sách năm 2025	So sánh	Dự kiến ngân sách năm 2026	Dự kiến ngân sách năm 2027
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	9.012.711	12.025.328	133%	11.907.837	12.272.408
I	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	4.250.523	4.709.720	111%	4.697.801	4.707.738
1	Chi bổ sung cân đối ngân sách	4.045.851	4.300.461	106%	4.300.461	4.300.461
2	Chi bổ sung có mục tiêu	204.672	409.259	200%	397.340	407.277
II	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	4.762.188	7.315.608	154%	7.210.036	7.564.670
1	Chi đầu tư phát triển	884.862	1.427.958	161%	1.395.258	1.552.275
2	Chi thường xuyên	2.177.623	2.753.840	126%	2.671.390	2.846.003
3	Chi trả nợ lãi, phí các khoản vay	5.500	15.700	285%	22.838	33.520
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100%	1.000	1.000
5	Dự phòng ngân sách	97.604	71.366	73%	73.092	79.616
6	Nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương; tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh	25.231	32.961	131%	37.930	39.728
7	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW	1.570.368	2.998.528	191%	2.998.528	2.998.528
8	Ghi thu, ghi chi vốn viên trợ		14.255		10.000	14.000